

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP**



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

NGÀNH, NGHỀ: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số: .../QĐ-CD-ĐT ngày... tháng... năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Nông thôn Việt Nam với 74,8 % dân số, 72 % lực lượng lao động xã hội, tạo ra 40% GDP của cả nước, là nơi phân bố hầu hết các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nơi sinh sống của 54 dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, phát triển nông thôn có vai trò hết sức quan trọng và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung của đất nước.

Phát triển nông thôn là phạm trù rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực nghiên cứu và chuyên ngành khoa học khác nhau. Trong giới hạn của khoa học kinh tế và quản lý, giáo trình “Phát triển Nông thôn” được tập thể tác giả Bộ môn Phát triển nông thôn, Trường Đại học nông nghiệp I biên soạn nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ kinh tế và quản lý thuộc chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Khuyến nông và những chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động phát triển nông thôn.

Giáo trình được biên soạn trên cơ sở sử dụng và tham khảo thông tin của các bài soạn giảng, các cẩm nang, sách xuất bản, giáo trình liên quan và những kết quả nghiên cứu đã công bố về phát triển nông thôn của các tập thể, cá nhân các nhà khoa học trong và ngoài nước. Các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn của Đảng và Nhà nước ta là cơ sở lý luận chủ yếu cho giáo trình này.

Trách nhiệm biên soạn được phân công cụ thể cho các tác giả như sau: TS. Quyền Đình Hà biên soạn chính Chương 2, Chương 3 và Chương 4; TS. Mai Thanh Cúc biên soạn chính Chương 1, Chương 5, Phần 1 của Chương 2 và Phần phụ lục; ThS. Nguyễn Tuyết Lan cùng

tham gia biên soạn Chương 1; ThS. Nguyễn Trọng Đắc cùng tham gia đóng góp ý kiến cho các chương và Phần phụ lục.

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả nhận được nhiều ý kiến đóng góp rất hữu ích cũng như sự khích lệ và ủng hộ của tập thể Bộ môn Phát triển Nông thôn, các đồng nghiệp trong Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn. Đặc biệt là các ý kiến đóng góp quý báu của GS. TS. Phạm Văn Đình, PGS. TS. Đỗ Kim Chung, Thạc sỹ Nguyễn Xuân Tin đã giúp chúng tôi chỉnh sửa và bổ sung hoàn thiện bản thảo giáo trình. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt thành đó.

Giáo trình được biên soạn lần đầu, mặc dù tập thể tác giả đã cố gắng sử dụng có chọn lọc và cập nhật các thông tin nhưng chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn, các đồng nghiệp gần xa và toàn thể bạn đọc để cho giáo trình này hoàn thiện hơn.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
CHƯƠNG 2 NHẬP MÔN.....	5
I. Giới thiệu về môn học	5
II. Lý luận về nông thôn	9
III. Lý luận về tăng trưởng và phát triển	15
IV. Lý luận về phát triển nông thôn	18
V. Hệ thống chỉ tiêu phát triển nông thôn	24
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN CHƯƠNG I	30
Chương II PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN	31
I. Tổng quan về kinh tế nông thôn	31
II. Phát triển nông nghiệp	36
III. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn	47
IV. Phát triển dịch vụ nông thôn	59
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN CHƯƠNG II	64
Chương III PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DỊCH VỤ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN.....	65
I. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn	65
II. Phát triển dịch vụ xã hội nông thôn	70
III. Phát triển môi trường nông thôn	73
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN CHƯƠNG III	79
Chương IV	

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	80
I. Vai trò của Nhà nước trong phát triển nông thôn	80
II. Vai trò của các tổ chức trong phát triển nông thôn	84
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN CHƯƠNG IV	88
Chương V NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	89
I. Tổng quan về nghiên cứu phát triển nông thôn	89
II. Phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn	91
III. Tổ chức nghiên cứu phát triển nông thôn	106
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN CHƯƠNG V	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
150	

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Mã môn học: MH20

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí trong khung chuyên ngành của ngành Bảo vệ thực vật
- Tính chất: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về việc nghiên cứu sử dụng nguồn gen thực vật, chọn tạo giống mới, phương pháp chọn tạo giống kháng sâu bệnh, ứng dụng các kiến thức về di truyền trong chọn giống tương ứng với các loại cây trồng khác nhau.
- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Bài giảng này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về việc nghiên cứu sử dụng nguồn gen thực vật, chọn tạo giống mới, phương pháp chọn tạo giống kháng sâu bệnh, ứng dụng các kiến thức về di truyền trong chọn giống tương ứng với các loại cây trồng khác nhau để tiếp cận và thực hiện việc chuyển giao cho sản xuất.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản của thuật ngữ cơ bản, phương pháp chọn tạo giống kháng sâu bệnh.
 - + Trình bày được ứng dụng di truyền, thể đa bội, đột biến trong chọn giống.
 - + Trình bày được nguồn vật liệu khởi đầu, thuần hóa giống cây trồng
 - + Trình bày được đặc điểm cây tự thụ phấn, cây giao phấn.
- Về kỹ năng:
 - + Phân biệt được đặc điểm chung và riêng của giống cây trồng
 - + Có kỹ năng kiểm nghiệm hạt giống, lai của các cây tự thụ phấn và giao phấn
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, ham học hỏi
 - + Vận dụng kỹ thuật lai, kiểm nghiệm hạt giống để gia tăng năng suất và phẩm chất cây trồng.

Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra (định kỳ)
1	Chương 1: NHẬP MÔN 1. Sơ lược lịch sử phát triển 2. Khái niệm và phân loại giống cây trồng 3. Khoa học chọn giống và vai trò của giống trong sản xuất nông nghiệp	3	3		
2	Chương 2: PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN 1. Biện dị - cơ sở của chọn giống 2. Vật liệu khởi đầu 3. Sự sinh sản của cây 4. Đặc điểm của cây tự thụ phấn và cây thụ phấn chéo	2	2		
3	Chương 3: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DỊCH VỤ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN 1. Quá trình thuần hóa và nhập nội giống cây trồng 2. Mối quan hệ giữa các loại hình sinh thái với nhập nội giống cây trồng 3. Ưu nhược điểm của nhập nội	2	2		
4	Kiểm tra (2)	1			1
5	Chương 4: VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG 1. Thể đa bội 2. Thể đơn bội	2	2		
6	Chương 5: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 1. Đột biến gen và ý nghĩa của nó trong chọn giống 2. Phương pháp gây đột biến nhân tạo 3. Phát hiện và chọn lọc các đột biến	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	Cộng	40	19	19	2

Chương I

NHẬP MÔN

I. GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC

1. Vai trò của phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn có vai trò và vị trí quan trọng trong sự phát triển chung của mỗi quốc gia. Đặc biệt với Việt Nam, một nước có nền sản xuất nông nghiệp làm nền tảng, sự đóng góp của nông thôn vào sự phát triển chung của quốc dân càng to lớn.

Vai trò cơ bản của nông thôn và phát triển nông thôn được thể hiện dưới đây:

- Nông thôn là địa bàn sản xuất và cung cấp lương thực thực phẩm cho tiêu dùng của cả xã hội. Người nông dân ở nông thôn sản xuất lương thực, thực phẩm để nuôi sống họ và cung cấp cho nhân dân cả nước. Sự gia tăng dân số là sức ép to lớn đối với sản xuất nông nghiệp trong việc cung ứng đủ lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội. Vì vậy, sự phát triển bền vững nông thôn sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu lương thực và thực phẩm tiêu dùng cho toàn xã hội và nâng cao năng lực xuất khẩu các mặt hàng này cho quốc gia.

- Với 74,8% số dân sống bằng nông nghiệp, khu vực nông thôn thực sự là nguồn nhân lực dồi dào cho khu vực thành thị. Sự thâm nhập của lao động vào thành thị cũng như sự gia tăng dân số đều đặn ở các vùng thành thị là không đủ để đáp ứng nhu cầu lâu dài của phát triển kinh tế quốc gia. Nếu việc di chuyển nhân công ra khỏi nông nghiệp sang các ngành khác bị hạn chế thì sự tăng trưởng sẽ bị ảnh hưởng và việc phát triển kinh tế sẽ phiến diện. Vì vậy, phát triển bền vững nông thôn sẽ góp phần làm ổn định kinh tế của quốc gia.

- Nông thôn là thị trường quan trọng để tiêu thụ sản phẩm của khu vực thành thị hiện đại. Trước hết nông thôn là địa bàn quan trọng tiêu thụ các sản phẩm của công nghiệp. Nếu thị trường rộng lớn ở nông thôn được khai thông, thu nhập người dân nông thôn được nâng cao, sức mua của người dân tăng lên, công nghiệp có điều kiện thuận lợi để tiêu thụ sản phẩm sản xuất của toàn ngành không chỉ hàng tiêu dùng mà cả các yếu tố đầu vào của nông nghiệp. Phát triển nông thôn sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và những ngành sản xuất khác trên phạm vi toàn xã hội.

- Nông thôn có rất nhiều dân tộc khác nhau sinh sống, bao gồm nhiều tầng lớp, nhiều thành phần khác nhau. Mỗi sự biến động dù tích cực hay tiêu cực đều sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng của cả nước. Do đó, sự phát triển và ổn định nông thôn sẽ góp phần quan trọng trong việc đảm bảo ổn định tình hình của cả nước.

- Nông thôn chiếm đại đa số nguồn tài nguyên, đất đai, khoáng sản, động thực vật, rừng, biển, nên sự phát triển bền vững nông thôn có ảnh hưởng to lớn đến việc bảo vệ môi trường sinh thái; việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khu vực nông thôn bảo đảm cho sự phát triển lâu dài và bền vững của đất nước.

- Vai trò của phát triển nông thôn còn thể hiện trong việc gìn giữ và tô điểm cho môi trường sinh thái của con người, tạo sự gắn bó hài hoà giữa con người với thiên nhiên và hình thành những nơi nghỉ ngơi trong lành, giải trí phong phú, vùng du lịch sinh thái đa dạng và thanh bình, góp phần nâng cao cuộc sống tinh thần cho con người.

Công cuộc phát triển nông thôn ngày càng được chính phủ các nước trên khắp thế giới, nhất là các nước đang phát triển đặc biệt quan tâm. Ở các quốc gia kém phát triển, vấn đề này càng được nhấn mạnh trong những năm gần đây. Quan điểm tập trung phát triển các vùng đô thị của nhiều quốc gia đã dẫn đến sự lạc hậu của các vùng nông thôn. Chính sự lạc hậu này là một trong những nguyên nhân tạo nên sự suy thoái kinh tế, đã và đang làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của các khu vực đô thị và của cả nền kinh tế của quốc gia. Sự giàu có của các vùng nông thôn sẽ hỗ trợ và thúc đẩy mạnh quá trình tăng trưởng và phát triển của các thành phố và khu vực đô thị, thúc đẩy quá trình phát triển chung của đất nước.

Với những vai trò quan trọng nêu trên, phát triển nông thôn là phần cơ bản và là đòi hỏi tất yếu trong quá trình phát triển quốc gia.

2. Giới thiệu về môn học Phát triển nông thôn

Với vai trò của nông thôn như đã nói trên, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã đặt phát triển nông thôn trở thành vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia trong thập kỷ 2001-2010. Môn học Phát triển nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý phát triển nông thôn. Đối tượng sử dụng giáo trình "Phát triển nông thôn" chủ yếu là sinh viên chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, chuyên ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông. Ngoài ra, giáo

trình còn là tài liệu nghiên cứu và tham khảo cho sinh viên đại học và sau đại học của các lĩnh vực liên quan đến hoạt động phát triển nông thôn.

Phát triển nông thôn là một phạm trù rộng và đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực nghiên cứu và các chuyên ngành học khác nhau. Trong giới hạn giáo trình của một môn học, với góc độ chuyên môn về kinh tế và quản lý, nhóm biên soạn chỉ cố gắng hướng tới *mục tiêu chủ yếu* của giáo trình là cung cấp cho các đối tượng sử dụng: (i) Những lý luận và khái niệm cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn; (ii) Chiến lược và chính sách phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường nông thôn; (iii) Vai trò của thể chế và các tổ chức trong phát triển nông thôn và (iv) Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn.

Để đáp ứng bốn mục tiêu nêu trên, trong phạm vi thời lượng 3 học trình, giáo trình được bố trí thành 5 chương như sau:

Ngoài phần giới thiệu môn học, nội dung cơ bản của chương I: Nêu và giải thích khái niệm “phát triển nông thôn”. Theo khái niệm này, phát triển nông thôn là: *“một quá trình tất yếu cải thiện một cách bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn. Quá trình này, trước hết chính là do người dân nông thôn với sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước và các tổ chức khác”*.

Khái niệm này chỉ ra: (i) *Đối tượng phát triển* là cư dân nông thôn (các cá nhân; gia đình/dòng họ; cộng đồng, trong đó nông dân là chủ yếu); (ii) *Yếu tố/lĩnh vực phát triển* là kinh tế (nông nghiệp; công nghiệp; dịch vụ...), văn hóa - xã hội và môi trường; (iii) *Vai trò của các bên tham gia đối với phát triển* (chủ thể dân cư nông thôn là chính, Nhà nước và tổ chức khác đóng vai trò hỗ trợ tích cực).

Một cách tổng quát, chương này đã chỉ ra “một khung lý luận về phát triển nông thôn” làm cơ sở nội dung cho các chương sau của giáo trình.

Chương II- Phát triển kinh tế nông thôn

Nội dung cơ bản của chương II đề cập đến các vấn đề về phát triển kinh tế nông thôn, cụ thể là: (i) Khái quát vai trò của phát triển kinh tế nông thôn đối với sự phát triển kinh tế quốc dân từ đó nhấn mạnh thách thức về tăng cường kinh tế nông thôn; (ii) Giới thiệu tóm tắt các nguyên tắc kinh tế trong phát triển kinh tế nông thôn; (iii) Mô tả tóm tắt tính chất và cơ cấu của nền kinh tế nói chung, của

kinh tế nông thôn nói riêng; (iv) Khái quát 4 loại hình doanh nghiệp hình thành ở nước ta và sự đóng góp đối với phát triển nông thôn; (v) Vai trò và quan điểm, chiến lược phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nuôi trồng thủy sản; (vi) Vai trò và chính sách, chiến lược phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ trong kinh tế nông thôn.

Phụ lục 1 bổ sung kiến thức về Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến 2010 và những vấn đề liên quan đến hoạch định chiến lược giúp bạn đọc có sự nhìn nhận tốt hơn về phát triển nông thôn và kinh tế nông thôn trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Chương III- Phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn

Nhằm chi tiết thêm khái niệm “phát triển nông thôn”, chương này tiếp tục phân tích vai trò và chiến lược, chính sách phát triển các khía cạnh xã hội và môi trường trong nông thôn. Ngoài các nội dung chính được trình bày trong chương, phần Phụ lục 3 sẽ bổ sung thêm những nội dung chi tiết hơn về chiến lược bảo vệ môi trường của Chính phủ đến năm 2010.

Người dân đóng vai trò trung tâm của công cuộc phát triển nông thôn. Người dân nông thôn phải là người hưởng lợi chính, là tác nhân chính của phát triển nông thôn.

Những khía cạnh xã hội chủ yếu liên quan đến chủ thể nông thôn mà chương III đề cập đến bao gồm: tình trạng nhà ở thấp kém ở nhiều vùng, nghèo đói và suy dinh dưỡng, không đầy đủ dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục và cơ sở hạ tầng: đường sá, hệ thống cung cấp nước tưới, tiêu và không chế lũ lụt, năng lượng, vận tải và thông tin.

Môi trường là cơ sở bền vững cho phát triển nông thôn ở Việt Nam. Đất là tài nguyên quan trọng nhất. Đời sống quốc gia phụ thuộc vào năng suất của tài nguyên thiên nhiên - đất, rừng, ruộng, biển, sông và ao hồ. Điều kiện môi trường có tầm quan trọng thiết yếu cho hiện nay và cho các thế hệ tương lai. Thách thức phát triển nông thôn là quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo cách phục vụ nhu cầu của con người đồng thời bảo vệ chất lượng lâu dài của những tài nguyên đó.

Chương IV- Vai trò của Nhà nước và các tổ chức trong phát triển nông thôn

Để thực hiện phát triển nông thôn phải có sự tham gia của rất nhiều thành phần liên quan. Có thể phân các thành phần này ra 3 nhóm: (i) Chủ thể dân cư nông thôn, (ii) Nhà nước và (iii) Các tổ chức. Nội dung cơ bản của chương IV là phân tích vai trò của thể chế được thể hiện qua nhiệm vụ, vai trò của Nhà nước và các tổ chức đối với phát triển nông thôn.

Người dân đóng vai trò là trung tâm, chủ động trong phát triển nông thôn. Nhà nước có vai trò thiết yếu như một người hỗ trợ chính cho tiến trình này. Vai trò của Nhà nước là tổ chức, hướng dẫn và phối hợp tất cả các hoạt động, đồng thời công nhận và khuyến khích hoạt động của bản thân người dân và của chính quyền các cấp tỉnh, huyện, xã, thôn (bản), các tổ chức quần chúng, nhóm tự lực, hợp tác xã kiểu mới, khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước.

Các tổ chức đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển nông thôn, đó là: (i) Chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã, thôn; (ii) Các tổ chức quần chúng, hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh...; (iii) Hợp tác xã kiểu mới; (iv) Ngân hàng và các tổ chức tín dụng; (v) Khu vực tư nhân và (vi) Các doanh nghiệp nhà nước. Vai trò của các tổ chức này, với các khía cạnh đóng góp khác nhau được đề cập ở phần cuối của chương.

Chương V- Nghiên cứu phát triển nông thôn

Chương V cung cấp một cái nhìn tổng quát về nghiên cứu phát triển nông thôn qua hai phương pháp tiếp cận nghiên cứu, đó là: (i) Nghiên cứu truyền thống (thông

thường) và (ii) Nghiên cứu tham dự (có tính tham gia). Chương này cũng cung cấp cho bạn đọc (những người trực tiếp, gián tiếp quản lý và nghiên cứu phát triển nông thôn) những chủ trương chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ nói chung cũng như hoạt động nghiên cứu phát triển nông thôn nói riêng ở Việt Nam.

Phần quan trọng của chương V là một số phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn (Nghiên cứu thống kê, PRA, PLA). Phần này đề cập đến những lý luận cơ bản của

từng phương pháp như: khái niệm, triết lý, nguyên tắc, đặc điểm và hệ thống công cụ, kỹ thuật, tổ chức thực hiện, viết báo cáo kết quả nghiên cứu. Phụ lục 2 trình bày chi tiết một số kỹ thuật, công cụ và phương pháp cụ thể của PRA và PLA nhằm giúp bạn đọc có khả năng vận dụng được các phương pháp này trong thực tiễn nghiên cứu phát triển nông thôn.

Như đã trình bày, xây dựng và phát triển nông thôn là công việc rộng lớn và phức tạp, liên quan đến nhiều ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội. Trong phạm vi chuyên ngành, môn học Phát triển nông thôn được nhìn nhận như một môn khoa học quản lý phát triển. Tuy vậy, phạm vi quản lý phát triển ở đây lại liên quan đến tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường trong nông thôn. Do đó, Môn học có liên quan rất chặt chẽ với nhiều môn khoa học khác như Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế hộ, Kinh tế thương mại, Xã hội học nông thôn, Tài chính nông thôn, Kinh tế hợp tác, Kinh tế tài nguyên môi trường, Quy hoạch phát triển nông thôn. Ngoài ra, các môn khoa học kỹ thuật như Hệ thống canh tác, Thổ nhưỡng học, Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Cơ điện khí hoá, v.v... cũng là những môn học có liên quan nhằm hỗ trợ kiến thức kỹ thuật phục vụ cho quản lý phát triển nông thôn.

II. LÝ LUẬN VỀ NÔNG THÔN

1. Khái niệm về nông thôn

Các quốc gia trên thế giới trong quá trình phát triển đều phân các vùng lãnh thổ của mình thành hai khu vực là thành thị và nông thôn. Các nhà xã hội học đã đưa ra một số tiêu chí phân biệt khu vực nông thôn và khu vực thành thị như: thành phần xã hội của dân số, các di sản văn hoá, sự phồn thịnh, sự phân hoá xã hội của dân cư, mức độ phức tạp của cấu trúc và đời sống xã hội, cường độ và sự đa dạng của mối liên hệ xã hội, v.v. Sự khác nhau căn bản giữa nông thôn và đô thị được phản ánh rõ nét trong những nguyên lý của xã hội học nông thôn -

đô thị. Trong đó, những tiêu chí quan trọng giúp việc phân biệt khu vực nông thôn và khu vực đô thị bao gồm: sự khác nhau về nghề nghiệp, về môi trường, quy mô cộng đồng, mật độ dân số, tính hỗn tạp và thuần nhất của dân số, hướng di cư, sự khác biệt xã hội và phân tầng xã hội, hệ thống tương tác trong từng vùng (bảng 1).

Sự phân biệt nông thôn và thành thị có thể dựa vào các tiêu chí quy định cho từng vùng. Đối với khu vực thành thị, nhiều nước đã thống nhất coi số lượng dân cư làm tiêu chí để quy định đô thị. Theo Từ điển Bách khoa của Liên Xô (cũ) năm 1986 thì đô thị là khu vực dân cư mà phần lớn dân cư ở đó làm ngoài nông nghiệp. Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học xuất bản năm 2002 đã định nghĩa đô thị là nơi dân cư đông đúc, là trung tâm thương nghiệp và có thể cả công nghiệp, thành phố hoặc thị trấn. Cho đến nay trên thế giới đều thống nhất coi đô thị là một điểm dân cư tập trung với số lượng lớn, mật độ cao và tỷ lệ người làm công nghiệp, dịch vụ nhiều hơn hẳn người làm nông nghiệp. Tuy nhiên, về tiêu chí cụ thể thì có sự khác nhau giữa các nước, xuất phát từ đặc điểm riêng của từng nước.

Nếu xét về dân số tối thiểu của một đô thị thì Liên bang Nga quy định 12.000 người, Thụy Sĩ - 10.000 người, trong khi Cu Ba, Kenya - 2.000 người, Grenada - 200 người, Uganda - 100 người. Về mật độ dân cư ở đô thị, các nước cũng có quy định khác nhau, Phần Lan quy định ít nhất là 500 người trên một dặm vuông (xấp xỉ 2.600.000 m²), Ấn Độ - 1.000 người. Về tỉ lệ dân số không làm việc trong ngành nông nghiệp ở một đô thị, Nhật Bản và Hà Lan quy định là 60-65%, Liên bang Nga quy định là 85%.

Bảng 1. Tiêu chí phân biệt khu vực nông thôn và khu vực thành thị

Tiêu chí	Khu vực nông thôn	Khu vực đô thị
----------	-------------------	----------------

<i>Nghề nghiệp</i>	Những người sản xuất nông nghiệp, một số ít phi nông nghiệp.	Những người sản xuất công nghiệp, dịch vụ.
<i>Môi trường</i>	Môi trường tự nhiên ưu trội, quan hệ trực tiếp với tự nhiên.	Môi trường nhân tạo ưu trội, ít dựa vào tự nhiên.
<i>Kích cỡ cộng đồng</i>	Cộng đồng làng bản nhỏ, văn minh nông nghiệp.	Kích cỡ cộng đồng lớn hơn, văn minh công nghiệp.
<i>Mật độ dân số</i>	Mật độ dân số thấp, tính nông thôn tương phản với mật độ dân số.	Mật độ dân số cao, tính đô thị và mật độ dân số tương ứng với nhau.
<i>Đặc điểm cộng đồng</i>	Cộng đồng thuần nhất hơn về các đặc điểm chủng tộc và tâm lý.	Không đồng nhất về chủng tộc và tâm lý.
<i>Phân tầng xã hội</i>	Sự khác biệt và phân tầng xã hội ít hơn so với đô thị.	Sự khác biệt và phân tầng xã hội nhiều hơn nông thôn.
<i>Di động xã hội</i>	Di động xã hội theo lãnh thổ.	Cường độ di động lớn hơn, có biến động xã hội mới có di cư từ thành thị về nông thôn.

Ở Việt Nam, do đặc thù đất chật, người đông nên những quy định về các tiêu chí của một đô thị khác nhiều so với các nước khác. Quyết định số 132-HĐBT ngày 5/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định nước ta có năm loại đô thị như sau:

- Đô thị loại 1: Dân số đạt từ 1 triệu người trở lên, mật độ dân cư từ 15.000 người/km² trở lên, tỉ lệ lao động ngoài nông nghiệp từ 90 % trở lên.
- Đô thị loại 2: Dân số từ 350.000 đến 1 triệu người, mật độ dân cư 12.000 người/km², tỉ lệ lao động phi nông nghiệp từ 80% trở lên.
- Đô thị loại 3: Dân số từ 100.000 đến 350.000 người, mật độ dân cư đạt từ 10.000 người/km² trở lên, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên.
- Đô thị loại 4: Dân số từ 30.000 đến 100.000 người, mật độ dân cư đạt từ 8000 người/ km² trở lên, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên.
- Đô thị loại 5: Dân số từ 4.000 đến 30.000 người, mật độ dân cư từ 6.000 người/km² trở lên, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp từ 60% trở lên.

Như vậy, khu vực nông thôn được xác định là những khu vực nằm ngoài các tiêu chí quy định trên. Có thể coi nông thôn Việt Nam bao gồm các địa bàn dân cư

có số lượng dân tập trung dưới 4.000 người, mật độ dân cư ít hơn 6.000 người/ km² và tỉ lệ lao động phi nông nghiệp dưới 60%, tức là tỉ lệ lao động nông nghiệp đạt từ 40% trở lên.

Việc phân biệt giữa nông thôn và đô thị chỉ có tính chất tương đối. Thực tế cho thấy, vẫn còn có sự xen lẫn về đất đai, địa bàn dân cư và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt ở các đô thị nhỏ, thị tứ, thị trấn. Ở các nước đang phát triển, những khu vực nông thôn đang diễn ra quá trình đô thị hoá nhanh chóng .

Hiện nay trên thế giới vẫn chưa có định nghĩa chuẩn xác về nông thôn, còn nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng cần dựa vào chỉ tiêu trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng, có nghĩa vùng nông thôn có cơ sở hạ tầng không phát triển bằng vùng đô thị. Quan điểm khác lại cho rằng nên dựa vào chỉ tiêu trình độ tiếp cận thị trường, phát triển hàng hoá để xác định vùng nông thôn vì cho rằng nông thôn có trình độ sản xuất hàng hoá và khả năng tiếp cận thị trường so với đô thị là thấp hơn. Cũng có ý kiến nên dùng chỉ tiêu mật độ dân cư và số lượng dân trong vùng để xác định. Theo quan điểm này, vùng nông thôn thường có số dân và mật độ dân thấp hơn vùng thành thị.

Một quan điểm khác nêu ra, vùng nông thôn là vùng có dân cư làm nông nghiệp là chủ yếu, tức là nguồn sinh kế chính của cư dân trong vùng là từ sản xuất nông nghiệp. Những ý kiến này chỉ đúng khi đặt trong bối cảnh cụ thể của từng nước, phụ thuộc vào trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế, cơ chế áp dụng cho từng nền kinh tế. Đối với những nước đang thực hiện công nghiệp hoá, đô thị hoá, chuyển từ sản xuất thuần nông sang phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, xây dựng các khu đô thị nhỏ, thị trấn, thị tứ rải rác ở các vùng nông thôn thì khái niệm về nông thôn có những đổi khác so với khái niệm trước đây. Có thể hiểu nông thôn hiện nay bao gồm cả những đô thị nhỏ, thị tứ, thị trấn, những trung tâm công nghiệp nhỏ có quan hệ gắn bó mật thiết với nông thôn, cùng tồn tại, hỗ trợ và thúc đẩy nhau phát triển.

Hội nghị nhóm chuyên viên của Liên Hợp Quốc đã đề cập đến một khái niệm - CONTINIUM nông thôn-đô thị. Có thể hiểu nông thôn-đô thị là một khu vực kinh tế hỗn hợp gồm nông thôn, nông thị và đô thị kế tiếp, xen kẽ nhau. Trong đó, nông thôn được coi là các làng xã nông nghiệp cổ truyền, nông thị là các đô thị nhỏ, thị trấn, thị tứ, chợ có chức năng như cầu nối giữa nông thôn và thành thị, còn đô thị là các thành phố

lớn, vừa, hoặc các khu công nghiệp tập trung. Trong CONTINIUM nông thôn-đô thị, các hoạt động nông nghiệp được gắn với công nghiệp và các ngành dịch vụ, có tác dụng chuyển dịch nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, và đô thị hoá.

Như vậy, khái niệm về nông thôn chỉ có tính chất tương đối, thay đổi theo thời gian và theo tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, nhìn nhận dưới góc độ quản lý, có thể hiểu *nông thôn là vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân. Tập hợp cư dân này tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa-xã hội và môi trường trong một thể chế chính trị nhất định và chịu ảnh hưởng của các tổ chức khác.*

Một số đặc điểm riêng của nông thôn Việt Nam, đó là:

- Ở vùng nông thôn, các cư dân chủ yếu là nông dân và làm nghề nông, đây là địa bàn hoạt động chủ yếu của các ngành sản xuất vật chất nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp. Trong các làng xã truyền thống, sản xuất nông nghiệp chiếm vị trí chủ chốt và là nguồn sinh kế chính của đại bộ phận nông dân. Cùng với sự phát triển và tiến bộ của đất nước, đặc điểm này có sự thay đổi. Các vùng nông thôn trong tương lai sẽ không phải chủ yếu có các nông dân sinh sống và làm nông nghiệp, thay vào đó là các cư dân cư trú và tiến hành nhiều hoạt động kinh tế khác nhau, gồm cả sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ. Theo đó, tỷ trọng lao động và GDP của các ngành kinh tế ở nông thôn cũng thay đổi theo hướng gia tăng cho công nghiệp và dịch vụ.

- Nông thôn thể hiện tính chất đa dạng về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, các vùng nông thôn quản lý một lượng tài nguyên thiên nhiên to lớn, phong phú và đa dạng, bao gồm các tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, sông suối, ao hồ, khoáng sản, hệ động thực vật gồm cả tự nhiên và cả do con người tạo ra.

- Cư dân nông thôn có mối quan hệ họ tộc và gia đình khá chặt chẽ với những quy định cụ thể của từng họ tộc và gia đình. Ở nông thôn, có nhiều gia đình trong một dòng họ cùng sinh sống và gắn bó với nhau gần gũi, khăng khít lâu đời. Những người ngoài dòng họ cùng chung sống, góp sức phòng tránh thiên tai, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống tạo nên tình làng nghĩa xóm lâu bền.

- Nông thôn lưu giữ và bảo tồn nhiều di sản văn hoá của quốc gia như các phong tục, tập quán cổ truyền về đời sống, lễ hội, sản xuất nông nghiệp và ngành nghề truyền thống, các di tích lịch sử, văn hoá, các danh lam thắng cảnh, v.v... Đây

chính là nơi chứa đựng kho tàng văn hoá dân tộc, đồng thời là khu vực giải trí và du lịch sinh thái phong phú và hấp dẫn đối với mọi người.

2. Những hợp phần cơ bản của nông thôn

Từ khái niệm và những đặc điểm nêu trên, nhà quản lý cần xác định một số đặc trưng tạo nên các hợp phần cơ bản của nông thôn. Trước hết, người dân được xác định là *chủ thể nông thôn*. Người dân với đa dạng về thành phần nghề nghiệp và sinh kế cũng như sắc tộc, tôn giáo. Tuy nhiên, nét đặc trưng cơ bản có thể nhận thấy ở đây là chủ thể

(người dân) nông thôn có lực lượng lao động nông nghiệp chiếm một tỷ lệ lớn và được coi là lực lượng nòng cốt của chủ thể nông thôn Việt Nam.

Tuy đa dạng về thành phần, nhưng xét ở góc độ quan hệ gắn kết ảnh hưởng lẫn nhau, cũng như quyền quyết định về sinh kế và các hoạt động kinh tế-xã hội khác có thể thấy rằng chủ thể nông thôn tồn tại (cả về nghĩa đen và nghĩa bóng) ở nhiều hình thể, cấp độ và vai trò khác nhau như: cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng.

Các cá nhân hay thành viên của chủ thể nông thôn với những nhu cầu, nguyện vọng, năng lực và ứng xử khác nhau, tùy thuộc vào đặc tính riêng của từng người. Vai trò của cá nhân hay thành viên có ý nghĩa lớn trong quyết định và tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội ở nông thôn. Huy động và phát huy tiềm năng của các cá nhân trong phát triển nông thôn là một hướng tiếp cận của nhà quản lý phát triển.

Ở cấp độ gia đình với những quan hệ phụ thuộc, gắn kết, với nề nếp, quan niệm và ứng xử cũng rất khác nhau. Trong nông thôn, các gia đình nông dân (gọi là nông hộ) đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế, được coi là một đơn vị sản xuất tự chủ, có quyền quyết định trong sản xuất kinh doanh.

Một nét đặc trưng ở nông thôn Việt Nam là giữa các gia đình nông thôn có mối quan hệ họ tộc rất gắn kết. Mỗi dòng họ có những truyền thống, di sản và những ước định của riêng mình. Sức mạnh tinh thần và vật chất của mỗi dòng họ nếu được khích lệ và huy động sẽ tạo nên động lực phát triển trong nông thôn.

Bao trùm lên tất cả là sự tồn tại của chủ thể nông thôn ở cấp độ cộng đồng. Các cộng đồng có thể hiểu như là tập hợp của những người dân có cùng nền văn hoá, cùng phong tục, cùng sinh sống ở một nơi nhất định, hoặc có cùng sở thích trong sản xuất, kinh doanh, mối quan tâm, hoặc nghề nghiệp. Theo nghĩa hẹp của quản lý, có thể coi các đơn vị làng, bản, xóm, thôn, xã, huyện, ... là các cộng đồng nông thôn ở Việt Nam.

Như vậy, có thể nhấn mạnh rằng: chủ thể nông thôn là các cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng của cư dân trong đó nông dân chiếm một tỷ lệ đáng kể và đóng vai trò chủ đạo. Ở khái niệm nông thôn nêu trên, chủ thể nông thôn là yếu tố con người. Tạo nên một chỉnh thể nông thôn chính là hoạt động của chủ thể (người dân nông thôn) trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường và mối quan hệ của họ với thể chế chính trị (Nhà nước) cũng như các tổ chức khác trong nông thôn. Với ý nghĩa tương đối trong cách phân loại, những hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường và các mối quan hệ bao gồm:

- *Các hoạt động kinh tế*: Bao gồm các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động thương mại dịch vụ. Tham gia vào các hoạt động đó gồm đầy đủ các thành phần kinh tế với các hình thức tổ chức đa dạng. Tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng GDP của vùng nông thôn phụ thuộc vào mức độ

phát triển của từng vùng, nhưng theo xu hướng tỷ trọng sản xuất nông nghiệp sẽ ngày càng giảm và tỷ trọng các ngành công nghiệp và thương mại dịch vụ ngày càng tăng.

- *Các tổ chức*: Bao gồm nhiều loại hình cả chính thống và phi chính thống như các tổ chức chính quyền ở địa phương, các tổ chức kinh tế, các đoàn thể quần chúng, v.v. Những tổ chức này được hình thành, hoạt động trong khuôn khổ các thể chế, chính sách, ảnh hưởng và có tác động trực tiếp, gián tiếp đến các hoạt động chung của cộng đồng hoặc những nhóm dân cư nhất định trong quá trình phát triển nông thôn.

- *Cơ sở hạ tầng nông thôn*: Bao gồm đường giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, trường học v.v... Những cơ sở này phục vụ đắc lực đời sống sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của các cư dân nông thôn.

- *Khoa học và công nghệ áp dụng*: Đây là một hợp phần quan trọng ở nông thôn. Khía cạnh khoa học và những kỹ thuật - công nghệ đó bao gồm cả các kiến thức bản địa và kinh nghiệm truyền thống của người dân nông thôn về tất cả các lĩnh vực tác động đến đời sống của họ. Khía cạnh khoa học - công nghệ ở nông thôn còn là sự nhận thức, tiếp nhận và chuyển giao khoa học và công nghệ hiện đại, tiên tiến từ bên ngoài của chủ thể nông thôn để thúc đẩy quá trình phát triển của chính họ.

- *Y tế, sức khỏe cộng đồng*: Đây là một yếu tố chi phối và ảnh hưởng quan trọng tới các hoạt động ở nông thôn. Vấn đề sức khỏe của người dân trong cộng đồng luôn được coi trọng trong mọi chương trình phát triển. Hệ thống y tế, các